

Số: 20/2013/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2013

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định mức giá cước tối đa đối với dịch vụ bưu chính phổ cập**

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và Quyết định số 72/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 37/2009/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án điều chỉnh giá cước dịch vụ thư cơ bản (thư thường) trong nước đến 20 gram;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính,*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định mức giá cước tối đa đối với dịch vụ bưu chính phổ cập.*

#### **Điều 1. Mức giá cước tối đa đối với dịch vụ bưu chính phổ cập**

Mức giá cước tối đa thu của khách hàng đối với dịch vụ bưu chính phổ cập bao gồm dịch vụ thư cơ bản trong nước và dịch vụ thư cơ bản quốc tế (bao gồm cả bưu thiếp) có khối lượng đơn chiếc đến 02 (hai) ki-lô-gram do Nhà nước đặt hàng Tổng công ty Bưu điện Việt Nam cung ứng như sau:

1. Mức giá cước tối đa đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước

a) Đối với phương thức vận chuyển bằng đường thủy bộ:

Phân loại	Nặng khối lượng	Giá cước (đồng)
Thư	Đến 20 gram	3.000
	Trên 20 gram đến 100 gram	4.500
	Trên 100 gram đến 250 gram	6.000
	Đến mỗi 250 gram tiếp theo đến 2.000 gram	2.000
Bưu thiếp		2.000

b) Đối với phương thức vận chuyển bằng đường máy bay:

Ngoài mức giá cước tối đa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, mức giá cước tối đa đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước vận chuyển bằng đường máy bay còn bao gồm giá phụ cước máy bay được quy định trong bảng sau:

Phân loại	Nặng khối lượng	Giá cước (đồng)
Thư	Đến 100 gram	500
	Trên 100 gram đến 250 gram	1.500
	Mỗi 250 gram tiếp theo đến 2.000 gram	2.000
Bưu thiếp		500

2. Mức giá cước tối đa đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế

a) Đối với phương thức vận chuyển bằng đường thủy bộ:

Phân loại	Nặng khối lượng	Giá cước (đồng)	
		Các nước APPU	Các nước khác
Thư	Đến 20 gram	10.500	12.500
	Trên 20 gram đến 100 gram	25.000	29.500
	Trên 100 gram đến 250 gram	48.500	56.500
	Mỗi 250 gram tiếp theo đến 2.000 gram	42.000	
Bưu thiếp		8.500	

“Các nước Liên minh Bưu chính châu Á - Thái Bình Dương (APPU) bao gồm: Cộng hoà Hồi giáo Á-p-ga-ni-xtan, Cộng hoà Ấn Độ, Cộng hoà Nhân dân Băng-la-đét, Vương quốc Bu-tan, Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Vương quốc Căm-pu-chia, Cộng hoà Hồi giáo I-ran, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Quần đảo Sa-lô-mông, Hàn Quốc, Cộng hoà In-đô-nê-xi-a, Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào, Ma-lai-xi-a, Cộng hoà Man-đi-vơ, Liên bang Mi-an-ma, Mông Cổ, Na-u-ru, Cộng hòa Dân chủ Liên bang Nê-pan, Niu Di-lân, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Cộng hoà Hồi giáo Pa-

kít-xtan, Nhà nước Pa-pua Niu Ghi-nê độc lập, Cộng hoà Phi-gi, Cộng hoà Phi-líp-pin, Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Dân chủ Xri Lan-ca, Vương quốc Thái Lan, Vương quốc Tông-ga, Nhà nước độc lập Xa-moa, Cộng hoà Xinh-ga-po và Cộng hoà Vanu-a-tu”.

b) Đối với phương thức vận chuyển bằng đường máy bay:

Ngoài mức giá cước tối đa được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, mức giá cước tối đa đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế vận chuyển bằng đường máy bay còn bao gồm giá phụ cước máy bay được quy định trong bảng sau:

Phân loại	Nặng khối lượng	Giá cước (đồng)			
		Châu Á – Thái Bình Dương	Châu Âu	Châu Phi	Châu Mỹ
Thư	Đến 20 gram	4.500	6.500	8.500	10.500
	Trên 20 gram đến 100 gram	12.500	17.000	29.500	33.500
	Trên 100 gram đến 250 gram	42.000	52.500	84.000	99.000
	Mỗi 250 gram tiếp theo đến 1.000 gram	52.500	73.500	109.500	117.500
	Mỗi 250 gram tiếp theo từ trên 1.000 gram đến 2.000 gram	42.000	73.500	94.500	94.500
Bưu thiếp		2.000	3.000	4.500	5.500

## **Điều 2. Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với dịch vụ bưu chính phổ cập**

Dịch vụ bưu chính phổ cập quy định tại Điều 1 Thông tư này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

## **Điều 3. Trách nhiệm của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam**

1. Quyết định giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập theo thẩm quyền, bảo đảm không cao hơn mức giá cước tối đa quy định tại Điều 1 Thông tư này.

2. Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập trước khi triển khai áp dụng trên mạng lưới bưu chính công cộng.

## **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2014.

2. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập và Thông tư số 07/2010/TT-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết. / *BS*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở TTTT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ TTTT; công TTĐT;
- Lưu:VT, BC.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Bắc Sơn**